

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24- 9- 2019
V/v Tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tâm, bà Hoàng Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên;

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Vũ Thị T**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Bị đơn: **Trần Văn Q**, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là Vũ Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn Q ngày 19/7/2007 trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương, nhưng hai bên không đi đăng ký kết hôn. Tình cảm vợ chồng ban đầu có hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 8/2017, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ, anh Q sinh ra rượu chè, cờ bạc rồi gây sự đánh, chửi vợ

con, từ tháng 2/2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Q được ly hôn nhau.

Vợ chồng có 2 con chung là cháu Trần Như N, sinh ngày 09/7/2008; cháu Trần Ngọc Ninh T, sinh ngày 26/10/2012. Hiện tại chị đang nuôi dưỡng cả hai con, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Q được ly hôn, đề nghị giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Bị đơn là Trần Văn Q trình bày: Anh xác nhận anh và chị Vũ Thị T kết hôn năm 2007 trên cơ sở có sự thỏa thuận và tự nguyện, không đăng ký kết hôn là đúng; mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân là do hai người không hợp nhau về quan điểm, lối sống nên xảy ra cãi chửi nhau, không phát triển được kinh tế gia đình, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ hai năm trở lại đây; anh xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng đã trầm trọng, chị T xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng, hiện tại cả 02 con đang ở với chị T; sau khi ly hôn chị T nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý.

Về quan hệ tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và cung cấp lời khai, anh Trần Văn Q đã bỏ nhà đi khỏi địa phương tìm kiếm việc làm, anh Q không thông báo địa chỉ làm việc cho chị T biết, cũng không trình báo chính quyền địa phương nơi cư trú, không đề nghị Công an xã T cấp giấy xác nhận nhân sự nên chính quyền địa phương cũng không biết anh Q làm gì, ở đâu.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Sau khi anh Q bỏ nhà đi và cố tình giấu địa chỉ, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Q vẫn vắng mặt; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Văn Q; giao cả 2 con cho

chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Văn Q bỏ đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho chị Vũ Thị T biết nơi lao động, làm việc, chính quyền địa phương nơi anh Q cư trú cũng không biết anh Q đi đâu, làm gì ở đâu; như vậy, anh Q đã cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất và các Giấy triệu tập theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì anh Q là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Vũ Thị T và anh Trần Văn Q kết hôn với nhau năm 2007, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, nhưng hai bên không chấp hành việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị T yêu cầu ly hôn, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung là cháu Trần Như N, sinh ngày 09/7/2008; cháu Trần Ngọc Ninh T, sinh ngày 26/10/2012. Xét thấy hiện tại chị T đang nuôi dưỡng cả 02 con chung, mặc dù anh Q không quan tâm nhưng chị T vẫn đảm bảo điều kiện ăn học, nhu cầu cuộc sống cho các cháu; vì vậy cần tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của hai bên, đảm bảo đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết; anh Q có quyền và nghĩa vụ trong việc thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị T yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn, nhưng chị T là thành viên hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Văn Q.

2. Về quan hệ con chung:

Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trần Như N, sinh ngày 09/7/2008 và cháu Trần Ngọc Ninh T, sinh ngày 26/10/2012.

Anh Trần Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con;

Không ai được cản trở anh Q quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Vũ Thị T.

Hoàn trả chị Vũ Thị T 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2010/007029 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Chi cục Thi hành án DS huyện SD
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thái